

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 6

I. HỎI VỀ TANG PHỤC

(Phục từ ân chế, tang do lễ thành. Hỏi tang cha mẹ và thầy, năm thứ phục nghi nên thực hành thế nào)

Hai ba người theo hầu tiến đến trước (môn sinh) khách lùi, phụ đỡ mà tiến (rút khủy tay để tiến) nói: Hạnh ba thừa hoặc được nghe vậy, lễ của ba đời chưa từng học (Hạ Ân Chu Văn chất chẳng đồng mà kỹ của trăm hạnh không gì lớn bằng hiếu, hiếu không gì lớn bằng đưa tiễn người chết. Có chết đã lại (đưa tang trở về, thiết đặt Kỳ Diên đáp lại Linh Phách, tận ái đó có tâm đảo từ) sống có tiết, phàm nêu bày các chung chung thì có thể để biết (Lễ nói: Mới chết người chủ kêu, anh em khóc, tiểu liệm tức vị ở nội tổ, cạo râu tóc, táng bậc sĩ hai ngày liệm, đều ba ngày chẳng ăn, ăn cháo sáng một vốc gạo chiều một vốc gạo, vốc là một phần trong hai mươi bốn phần, đã táng, người chủ ăn chay uống nước, chẳng ăn rau quả). Xin hỏi sao gọi là tang của Sa-môn với năm thứ nghi phục như thế nào (năm phục là Trảm thôi, Tề thôi, Đại công, Tiểu Công, Ti Ma) tôi mở kỹ buồn bã giấy lát mà bảo đó rằng: Lễ của tiên sinh, chỗ biết của Lão quân tử, mới là họ Khổng đa năng, tôi chưa nghiên cứu đó xong, phàm Thiên-trúc phương tục chẳng đồng nhau (Thích tử đã y cứ giáo của Thiên-trúc, chẳng đồng với phương tục ở Trung quốc) chất cực mà nhỏ nhiệm (tục của Tây quốc, giản chất mà di lược. Truyện Nam Hải Ký Quy chép: Thiên-trúc thông minh tuần lợi, Thần châu chẳng bằng Thiên-trúc. Lễ nghi pháp tắc Thiên-trúc chẳng bằng Thần Châu), xưa kia thuần của Hy nông Trung quốc thì biến, bởi chất cực mà văn, văn cực mà chất, bốn biến thì chẳng như vậy (Hạ ân pháp địa nên chất, chu pháp ở trời nên văn, bốn biến bất biến) Nay truy y tại hoa. Hoa thì có nghi, đó có thể đồng với dị vực ư? (Tiên vương Chế nhạc của bốn di, chẳng chế lễ của bốn di. Nay Thích tử đã ở Trung Quốc, chẳng thể đồng với dị vực) cho nên y theo số của năm phục,

tượng tiết của thăng giáng, phỏng bàn giáo đó, lập dùng làm văn, còn nói Hiến chương có chỗ tổn ích hợp với tâm thiên hạ để đợi quân tử (nay y cứ năm phục mà tượng, trăm suy ba năm, Tề suy tròn năm, Đại công chín tháng, Tiểu công năm tháng, Ty-ma ba tháng, hoặc lên hoặc xuống để thực hành, như cần hợp nghi của thiên hạ để được trung dung, đợi quân tử tương lai cất chế) nên tang cha mẹ là như tang bậc sĩ hoặc là trung mà được lễ (trong năm hiếu, y theo lễ của tang bậc sĩ thì được trung) táng bậc sĩ là trượng gian lý (Lễ nói: Tang của bậc sĩ, hai ngày liệm mà gây khóc, liệm thì gây khóc, quan (hàn) thì tập trượng) ăn cháo (ba ngày không ăn, ăn cháo uống nước) dựa lô ngủ chiếu gối đất (Lễ nói: Tang cha mẹ, chịu dựa lô chẳng xoa ngủ chiếu gối đất, chẳng phải việc buồn thì chẳng nói), tuy Sa-môn khổ tiết, giáng ở biếm ăn mặc, có lỗi với tang lễ đó, mà chịu tang hợp với sĩ hành, không thương tổn giáo của bậc thánh (hạnh của Sa-môn, vốn tự khổ tiết, nếu lại nhân tang, mà thêm ăn mặc nhiều, hợp với hạnh bậc sĩ, chẳng trái lễ luật, nên nói tang và dịch đó vậy, đâu đáng buồn). Nếu hẹp hòi dùng trong tục, buộc gấp là đức chẳng rộng, sao chẳng thương khiến thể gồm trượng, chân tục đều nêu, giảm mà có thương (nếu chẳng muốn tục lễ buộc ky, lo thiếu chân đạo, thôi mà chẳng trượng, thì chân tục không ngại, nghi đó tuy lược, mà ai lễ thì chẳng không) phạm bày phủ quỹ thiết Kỷ Diên chẳng cần dùng quỹ mà cha mẹ cầu, bởi nói lên sự buồn kích, kính đó hoặc là còn. (phủ quỹ là đồ cúng tế, Kỷ Diên là linh tòa, đặt là chưa hẳn dùng quỹ cầu đến cha mẹ, Bởi lấy chỗ của Kế tâm còn mà đối với ai kính có chỗ hướng về, biểu lộ tình cảm.) Thôi điệt thay cho đệ miện (thôi điệt là tang phục, đệ miện là triều y), Sa-môn đã chẳng thôi, vì sao điệt (thân đã chẳng thôi phục, thì đâu chẳng nên an điệt) hy thôi tuệ thường tiết ở tang nghi, Nho thì chẳng làm, hưởng chi họ thích cao hơn (Lễ nói: Gai là chẳng thân, nắm ngọc thẳng gai, gai chẳng thêm ở biếm, vì lành dữ khác nhau, tăng đã lia tục chẳng đồng chế). Hoặc có chỗ chẳng lành là thêm ở hiêm của dung dung (dung dung chẳng chánh, đáng vẻ chẳng lành tục cười chê, thì có dung của yêu đức, dèm chê chẳng phải chánh) chẳng phải y trăm không dùng gai cỏ mào ở đầu (tang cha mẹ và thân giáo giới sư, v.v... có thể dùng mào đầu) Ni thì còn có thể vậy, phạm lễ chẳng địch với công môn, công môn chẳng phục, tuy y trăm, trăm gai cỏ không dùng ở đầu (Khúc Lễ nói: Giày bao tráp uống nhằm quan chẳng vào công môn, đều vì hung phục, nên tuy có tang cha mẹ, sư trưởng đều chẳng dùng) Tôn là trước như công môn (cũng chẳng mào gai ở đầu) phải trai giới, không kêu vỗ lánh mọi người chê bai (chỉ nên đốt hương

tu đạo phước đức mà giúp tiến võ về tâm) không cậy vì tang mà từ các việc thiện, cậy vì các việc thiện mà hạ thấp tang riêng, vì thật có nghĩa (đó có các việc lành như Bồ-tát giảng pháp sám hối trai giới, v.v... chẳng vì việc tang đó, nên trong phước bỏ vì các việc lành mà giết tang lễ không ngại) bấy giờ có rưới đất trải chiếu, sao nói là nhảy nhót mất ai của suy sụp (trai là tang của trăm, đất trời sụp đổ, đau cắt ai tình, đau đời trải chiếu rưới đất, sau đó mới nhảy nhót) tuy năm phục tôn ty đồng, mà tổn ty vì tuổi lớn đức cao chẳng gọi là chẳng biết lễ (tiên vương chế lễ của năm phục tuy đồng, nếu ty (nhỏ) mà chết, tại số của năm phục, với người tuổi lớn đức cao giáng đó cũng có thể) Phạm chí đạo hợp với chí ái, chẳng khóc chẳng nhảy nhót, chẳng phải bàn nghị của tượng nội (chế của khóc nhảy vốn theo tục tình, ngoài tượng quên tâm, đoái hoặc mền luyện chẳng phải có, Trang Tử nói: Sống của người là tụ khí thì làm sống, tan thì làm chết, nếu chết sống không đường thì tôi đâu phải lo gì, nên muôn vật là một) xưa kia pháp vân chịu tang, gần đến hủy diệt (mẹ mất, hủy bệnh quá lễ, nhiều ngày chẳng ăn, gần như chẳng hơn nổi tang. Tăng Mân bảo rằng: Bạc thánh chế lễ, hiền giả cúi vâng, kẻ chẳng hiền mong kịp, hủy chẳng diệt tánh, còn xuất xứ ở sách Nho, hướng chi Phật có vi chỉ, gần thì kính phụng sắc dưỡng, xa thì phát tâm Bồ-đề. Hướng chi giặc ân ái, chẳng thể dung túng, mới cắt ai tình, dân hồi ăn cháo) Linh Dụ hầu thăm mẹ, nghe tang mà trở về (Linh Dụ là cao tăng thời đời, họ Hình, người ở Tùng Tư, Nam quận, ở Tương Châu rất lâu, chợt nghe mẹ bệnh đang ở tại Nghiệp Đô, nên đến hầu thăm, đến giữa đường nghe mẹ đã chết, bèn nói: Ta vốn đến thăm mẹ, nay mất sao đến thăm! Bèn trở về) quân tử lấy làm dữ lòng tuệ huấn, thì Pháp Vân vượt hơn, Linh Dụ chẳng bằng. Phạm lễ quá là cúi mà đến, chẳng đến thì kiểng chân là kịp, Pháp Vân mới gọi là Tôn đức thật, buộc tình vượt tục. Linh Dụ thì vị sùng sư biểu, hiến pháp không thủ, bàn nghị là cùng đó chẳng kịp đâu hơn, hơn thì dễ ép, chẳng bằng thì khó dẫn (ai quá thì có thể ép, chẳng bằng thì khó dẫn dắt người sau) nhưng bang của các hạ, lấy lễ nghi trông đức, ở bang đó biến tục đó, điều quân tử chẳng làm, tuy đời chuyên lập tiết, hiền giả đạt đó, như Tử Tạng Nguyên Nhưông (Hân, con của Tào Công, tự là Tử Tạng, thứ tử của Tuyên công, Tào Bá mất, chư hầu thấy Vương sắp lập, Tử Tạng từ chí trước có đó, thánh đạt tiết thứ thủ tiết xuống, mất tiết là quân chẳng phải tiết tôi, tuy chẳng năng đạt, dám mất thủ ư? Bèn chạy đến Tống, Nguyên Nhưông người Lỗ là bậc sĩ ngoài vật) đời chuyên loạn lễ, hiền giả lập đó, như hạng Tăng Sâm Tử Cao (Tăng Sâm tự là Tử Dư, khóc

huyết ba năm chưa hề thấy răng, đều là người Lỗ đệ tử của Khổng Tử) nay thiên hạ phần nhiều nghĩ loạn, lễ ở đâu mà không lập? Xưa kia bậc hiền như Trúc Lâm, đến Đồi của Hồ mẫu phụ, kia là mất lễ cho là đạt (Trúc Lâm là Nguyễn Tịch có tang mẹ, Bùi Khải đến viếng điệu, Nguyễn Tịch xủ tóc đứng khừ chẳng khóc, say mà nhìn thẳng, Bùi Khải đã khóc xong bèn đi, có người hỏi Bùi Khải là khi điệu viếng, người chủ khóc thì khách mới làm lễ, Nguyễn Tịch đã chẳng khóc, sao ông lại điệu? Bùi Khải đáp: Nguyễn Tịch là người của phương ngoài, nên chẳng lễ chế, bọn ta là người tục, nên lấy hủy nghi tự giữ. Người thời bấy giờ cho là cả hai đều đúng. Hồ mẫu phụ là người Tề) Linh Dụ nếu cũng lấy làm đạt giả thì chẳng thầy chẳng trò, phải như kia chẳng cha chẳng con. Há sống thì chẳng bỏ ái cầu thăm, chết thì dốc cầu đạt đó ư (sống thì ân của võ về nuôi dưỡng chưa dứt, nên còn thăm viếng, chết thì đã đồng cỏ cây, chỉ có thể ngầm giúp) nên về sau là chẳng lường đức hạnh, chẳng kiện Linh Dụ mà thường làm Linh Dụ (kiện là ngang bằng, bằng con chưa thể được, hướng chi chẳng bằng đó ư? Vì vậy tượng vật là tuy ngầm đạt huyền cơ, mà làm vật thường giữ, ở người thì năng người, ở trời thì năng trời, bởi người xứng có đạo thì chẳng lấy nghịch vật làm hoài bão. Xưa kia, Mục-liên khóc dâng thức ăn (mẹ của Mục-liên là Thanh Đề thuộc dòng họ Trường Trảo Phạm Chí, vì san tham chẳng kính tin, bị đọa vào đường ác. Mục-liên chứng đắc đạo quả mang thức ăn đến cứu giúp), Mâu-ni khiêng quan tài (vua Tịnh Phạm băng, Đức Phật nâng quan tài mà an táng. Lại Di mẫu Phật là Tỳ-kheo-ni Ái đạo cùng năm trăm vị ni cùng nhập Niết-bàn trong một ngày. Khi ấy Ưu-bà-tắc chánh đạo dắt năm trăm vị, Bốn thiên vương dắt Di mẫu Phật đại ái đạo, Phật tự tại đến trước bưng lò đốt hương cúng dường, bảo các Tỳ-kheo: Các thầy giúp ta cúng dường thân nhũ mẫu. Bấy giờ, các Tỳ-kheo A-la-hán đều dùng sức thần túc đến núi Ma-lợi-chi dùng hương ngưu đầu giúp Phật làm lễ) chỉ bày người vết của cảm mến phàm năng chịu vết đó mà chẳng có vết đó, có thể gọi là chí (tang có bốn chế, có ân có lý tiết có quyền biến mà theo nghi có thể) kinh nói: Hiếu gọi là giới, là nghĩa gì ư? Bởi hiếu là lấy kính từ làm gốc, kính thì nghiêm thân, từ thì mến người, nghiêm thân thì chẳng xem thường muôn vật, mến người thì chẳng thương tổn sinh loại, phòng hoạn dứt trái, chẳng gì lớn hơn đây. Đó có lẽ chẳng do ở hiếu mà năng trì giới thì không có (giới lấy Từ làm gốc, lấy kính làm phụ). Vì sao chẳng hiếu thì vô thân, vô thân thì chẳng kính đối với trên, chẳng kính mà năng Từ đối với dưới, là việc chưa có. Luật nói: Vai mang cha mẹ đến nỗi đại tiểu tiện trên vai trải qua nhiều

kiếp, còn chưa thể báo đáp một ngày sinh thành. Đã là Đại thánh giúp sinh dùng lực báo đáp, sao chết thì không thương? Nên trái với Linh dụ hoặc hiền, mướn mộ Linh Dụ thì khinh rẻ (hạng người sau cao tiết chẳng bằng Linh Dụ mà muốn so sánh là chẳng phải chỉ có thể theo thường) chớ khiến giữ gìn danh giáo là, vì con cháu vào đạo, trái với hiếu để, trách ảnh hưởng đến luận này mà đượm, vài ba học trò nói: Tang chỗ thân, kính cẩn vâng nghe (đã nói về tang của cha mẹ xong) còn tang thầy thì thế nào? Đáp: Lễ nói: Tôn thờ người thân có ẩn mà không phạm (con làm cha ẩn thẳng ở trong đó) tả hữu đến dương vô phương (tả hữu nghĩa là phương thường của giúp đỡ) phục vụ chuyên cần đến chết chịu tang ba năm (tang cha Trảm Thôi ba năm, tang mẹ Tề thôi ba năm, nếu cha còn thì đầy năm mà thôi, lánh cha là thôi. Trảm thôi là chẳng tiện, Tề thôi thì tiện đó như thường) Tôn thờ vua có phạm mà không ẩn bề (tôi lấy ngăn cản tranh cãi làm trung) tả hữu đến dương có phương, phục dịch chuyên cần đến chết mới để tang ba năm (tại nghĩa của của tôi sánh phương cha mẹ) Tôn thờ thầy không phạm không ẩn, tả hữu đến dương không phương, phục dịch chuyên cần đến chết, tâm tang ba năm (tang thầy vốn không có tang phục, giới ở tại tâm) lại nói anh em khóc trong miếu, bạn của cha khóc bên ngoài miếu, thầy khóc ở chỗ ngủ, bạn bè khóc bên ngoài cửa chỗ ngủ, khóc thầy ở chỗ ngủ, đối với họ Thích thì khác với Lễ (cùng Nho lễ chẳng đồng). Thầy là gốc của đức nghề, chẳng phải đức sao lập, chẳng phải thầy sao dạy, tuy trên từ vương công đạt đến thương ưu (ưu là người nông, trường trở kiệt đấm thấy tử lộ bữa mà không thôi nghỉ) đều là thầy nghiêm, mà họ Thích thêm nguyên do của giới sinh (các ông sĩ, nông, công, thương còn lập thầy, hướng cho họ Thích cạo tóc nhuộm y truyền giới ư), nên có giới thì gọi là Sa-môn, không giới thì chẳng phải Sa-môn, từ giới mà sinh mới gọi là thật sinh, giới từ thầy trao (giới là Tỳ-ni-tạng, nghĩa là ngăn quấy dứt ác, đồng với tiếng Phạm là Tỳ-nại-da) cho nên xem thầy như cha, (thầy vốn không phục nay đồng với cha) nước ngoài nói Hòa-thượng, Hán dịch là Lực sinh, nghĩa là nói có năng lực sinh ra giới pháp cho đệ tử. Nước ngoài nói A-xà-lê, Hán dịch là Quý Phạm, nghĩa là nói nghĩa năng giáo Quý Phạm. Loại này có năm, đó là cạo tóc, mười giới y chỉ Yết-ma, giáo thọ (Yết-ma nghĩa là tác bạch lúc thọ giới) khoảng đó hoặc vì rơi tâm mang cấm, tự ta mà bắt đầu, hoặc vì pháp thân tuệ học từ ta mà thành, nhưng ở đời lấy vua, cha, thầy ân đó nhất quán, cha sinh, thầy dạy, vua nuôi, nên có ba loại tang: Trí, phương và tâm (cha là trí tang, vua là phương tang và thầy là tâm tang) mà Họ Thị do giới pháp

nên lớn (giới là gốc vào đạo, thầy là nhân xuất thế) chẳng phải chỉ khóc ở chỗ ngủ, nắm giữ ở tâm tang, ngay dây gai chẳng phải giày, mới cha trăm (phục của tang thầy đồng như cha, hiếu của trăm thôi hai mươi lăm tháng) chỉ chẳng hẳn trượng mà sau khởi khóc, như chẳng trở lại (nghĩa là một hết tiếng) chỉ mà chẳng đối (đây đều là lễ của tang cha, đối với tang thầy thì không hẳn như vậy) đối với các thứ khác thì như lễ (ngoài ra đều đồng với lễ tang cha) nay con của ủy hạng (ủy là cong, con của dòng họ thấp kém trong thôn xóm) kêu gào cao xanh, cáo xích khóc phạt, bởi chẳng biết chê trách của cha (nay tăng có tang thầy kêu khóc gọi trời xanh v.v... đều chẳng phải Lễ, đối với cha có hiêm nghi, nên dứt bỏ đó là đúng) khí của xe đồ sộ linh thần minh đã chẳng dùng quỹ đạo cầu mong thầy, nay sao dùng vậy (thuộc về Đồ đồ, Thê đều không ích lợi) đời Ngụy, Đạo Đãng qua đời, Cao Tổ Hiếu Văn ban chiếu là: Thầy của trăm là pháp sư Đạo Đãng chợt mất đi, đau xót xúc động chẳng thể thôi, chọn sửa thận trọng lễ tang chưa chỉnh liên đến, khiến chuẩn nghĩa thầy, khóc ở ngoài cửa (lễ trong thầy khóc ngoài của chỗ ngủ) đời Tùy, Đàm Diên tịch, Đế xót thương bãi triều. Tắt vua trở xuống, trùm tóc đi chân đất theo tang mà khóc, đời sau chẳng thể khinh trọng đó, trụ sử kháng dứt quỹ nơi sa mạc, hoặc phơi thầy ở làng Hòe, hạng đó không chỗ nghe (Lão Tử thấy Chu đức khóc ác bèn cỡi trâu xanh ra ải Hàm Cốc, theo hướng Tây đến sa mạc. Lại Trang Chu nói: Lão Tử chết ở làng Hòe, thuộc Phù Phong. Tần Dật đến viếng điệu kêu ba tiếng mà ra, từ đó, học trò ông với chế của tang phục chưa nghe ông nói) Lỗ, Tư Khấu chết, các học trò thắc mắc tang phục, Tử Cống bảo: Xưa kia Phu tử tang Nhan uyên, Tử lộ như tang con mà không tang phục, xin tang phu tử như tang cha mà không phục, vài ba ông đều điệt mà ra (chẳng làm phục mà thêm gai, tâm tang ba năm, văn của Đàn cung) mãi đến thời Hán Ngụy, tang thầy càng dốc, có dùng đến so với tang của cha, Lễ ngày nay mỏng bạc ít có miễn (miễn là tang phục). Xưa kia, Viễn Công chế tang bảy ngày, vì phạm tình khó, cất giúp bày ai, quá thì ép thúc so với lễ (tặng vốn là giáo của tượng ngoại, vì phạm tình chưa dứt hẳn mới chế lễ bảy ngày để bày tỏ tình, nếu quá thì ép thúc Nho giáo) thời Tề, ẩn sĩ Lưu Cầu chết, đệ tử tuy bầm thọ nội giáo, mà như tang cha không tang phục (Lưu Cầu ở Kinh Châu, sau bỏ áo mao chẳng làm quan, nhịn ăn mặc áo gai ở nhà tranh, lắng dứt sách vở thế gian, tinh chuyên cứu xét Phật lý, thuật nghĩa đốn ngộ, đương thời chẳng có ai quật nổi, chú sơ kinh Pháp Hoa, giảng kinh Niết-bàn, Đại phẩm, v.v... khoảng đầu niên hiệu Kiến Võ được nêu làm quốc tử bác sĩ, mất ở

Giang Châu, mây trắng bồi hồi, mùi hương khác lạ tỏa khắp phòng, giữa hư không có vang vọng tiếng khánh, thọ sáu mươi tuổi. Các đệ tử chịu tang như cha mà không có nghi phục, Dữu Sần nói: Văn làm khuôn phép (Phạm) cho đời, hạnh làm sĩ tặc, do đó ban tên thụy là Văn phạm tiên sinh) Ngài Tùy, đời Thiên Thai dạy không khóc lóc là nghi phục, đó là các nghĩa tùy thời. Phàm Lưu Cầu Cao Nhạn chẳng đoái hoài (khanh nắm (dê), đại phu nắm nhận. Lưu Cầu lúc đầu làm lệnh Đàng Dương, đổi là Nam thành, phát áo tự miễn năm bốn mươi hai tuổi, bấy giờ luận sánh đó như Hán Lưu, khước từ vinh hoa, chẳng đoái hoài lộc vị) hình chất đã để lại, chết của ở nay, chẳng phải nói là mới chết nếu khiến làm tang, còn kiểu so với Cao Nhạn, nên tổn nhân nghĩa để bày giản phác có chung, mà đệ tử theo luận bàn của Khổng môn, Thiên thai hơn năm mươi châu đều bảm thọ quy giới, nếu theo với Khao Tố thì người nửa nước đều có tang phục, nên có thể ép mà theo phong của Thiên-trúc. Trọng Ni nói: Tang và Dịch sao thích (tang lễ nên đặc trung, nếu hòa với Dịch đâu đáng buồn bã) đây là ý khơi dậy thời thế rất sâu sắc, nay phong cách của Tần Lạc, mất thì để tang, Thập sư mà tịch, ai thương giáng sát? (thân giáo sư có thể đồng trăm thoi, bốn đầu giới sư có thể đô đồng Đại công, giáo thọ sư có thể đồng Tiểu công, Yết-ma sư trở xuống, thế pháp sư thập giới sư, bát giới sư, ngũ giới sư, y chỉ sư, thọ pháp sư đều là Ti-ma có thể) chẳng phải tang thì thoi, tang thì không khác? Nên giới sư có thể so với Đại công (tang phục chín tháng) giáo thọ như Tiểu công (tang phục năm tháng) ngoài ra thì Ti-ma có thể (ba tháng). Về bạn bè, theo Lễ nói: Quần cứ vào thì điệt, ra thì không. Bàn bè đều ở bang khác, thì chỉ thầy là tâm tang ba năm, bạn bè đây năm, nên vợ bạn bè có tú thảo thì chẳng khóc. Ở nơi khác không có tang chế (hễ nói Dị Vực hay nước ngoài đều chỉ cho Thiên-trúc) chẳng phong chẳng thọ (phong là mộ đất) Vất bỏ giữa đồng trống (thí cho chim thú ở rừng lạnh) hoặc chất đống rồi đốt, (dùng củi đốt) hoặc ở vực sau nhận chìm, chỗ biếm là ít, tang kỳ không số (biếm là chôn giấu, hoặc vất bỏ hoặc đốt, hoặc nhận chìm, cũng không sự của kỳ hạn năm phục) như thời tiền cổ của Trung Hoa (đồng với thời thượng cổ) có muốn vâng theo đây mà bãi bỏ khóc lóc, vất bỏ tang chế, vì chẳng trái luật, tôi không cùng với người (thân ở đồng độ, mà muốn lễ theo tây quốc thì chẳng thể) phạm sự thực minh tức, đản kiên tiền chỉ, nhiều quanh tức lui, đều là phong tục khác (truyện Nam Hải Ký Quy nói: Ở Tây Vực dùng tay bốc cơm mà ăn, lễ bái kêu chân dùng lười liếm, đản kiên là hở bày vai phải, tiền là gót chân trần, đi nhiều quanh rồi lui ngồi đều là

phong tục của Tây Vực, nay đều chẳng thực hành tang lễ, làm sao lại muốn vâng theo đó, Trung quốc chẳng thực hành, gập tang sao muốn vâng thừa ư? Phàm ai khóc tang phục tạm chẳng phải tánh giới (chỉ là già giới chế ước) tuy theo ngũ thiên thì cấm, nhưng luật thì có nghĩa tùy phương, sao gọi là chịu tang, hẳn trái với thánh ý, xưa kia nơi song lâm đánh võ, Phật mở quan và dậy, an ủi mà chẳng trách, bởi xót thương kêu gào luyến mến, đốc ai kính đó (Đức Phật nhập diệt tại Câu-thi, đệ tử kêu gào vỗ bửa, Phật mẫu Ma-da từ cung trời Đao lợi xuống, Đức Như lai từ trong kim quan dậy cho thánh mẫu được thấy, mà chẳng trách đệ tử buồn khóc kêu gào, vì muốn sâu dày tâm ai mộ đó. Hễ kính thì thực hành chí đó, mến thì tư duy giáo đó, giáo lập mà chí tuyên, đối với lý đánh võ thật là có được, Niết-bàn là giáo pháp rốt ráo, ở đâu chẳng vậy, nếu đem bỏ thân vất tục tập, pháp vô sinh phải quên tình dứt ái, nên chẳng thích nghi, làm sao rất sớm (khác chưa thực hành bèn muốn quên tình, sao sai nhầm vậy) tính thấy mào mà cầu thời dạ, thấy đàn mà cầu hào nhục ư? (thời dạ là gà, có công của ty thần, nay thấy trứng bèn muốn tìm gà, theo lý chẳng đúng. Hào là như Cừu, duyên theo sắc nhục làm dáng rất đẹp, phải dùng đàn mới được, nay thấy đàn bèn đòi hào đao là chẳng đúng, quên tình nơi cảnh mới hợp với đạo, nay tình chưa quên làm sao muốn vất bỏ tục ư?) Người mới hành chưa bước lên thêm thánh vị, chí nghiệp sánh gì, bởi một người bé nhỏ trong khu, sâu xa thì năng cất ái, hễ chẳng mến người thân của họ thì lại mến người khác (chẳng mến người thân của họ mà mến người khác, đó gọi là bội đức) mà đối với nhà quyền thế nhuận ốc thì mơn mớn (mơn mớn là dáng mạo của cỏ) có chỗ nương tựa. Đó quên tình là chỉ quên ở danh giáo lễ nghĩa (nay thấy nhà tôi vất bỏ danh giáo, cho đó là Thanh văn, đấm trước hoàn toàn bèn quên bỏ phép, lại phép quý nhà của cải, đổi sắc mặt miệt mài) tức giận muốn hơn thua y phục ăn uống thường thường, chỗ nào mà quên? Tình đã chẳng hết, mến chẳng dứt hết, đâu đối với tang lễ mà muốn bỏ ư? Hoặc nói: Nếu khiến Sa-môn tùy phương làm tang lễ cũng được, tùy phương chẳng kính vương giả ư? (đã đồng với tục lễ, phương tiện nào đồng bái tiếp) Đáp: Chẳng đúng (là đáp chửng) vì sao? (là lại gạn) bái là ngoại sức, hiếu tự nội tâm, ép làm ngoại sức tổn nghi của khôn tổ, ép nội tâm đó, mất tánh ái kính, cùng cả hai đó ép, chẳng như buông cả hai, buông đó chẳng bái, thành tin giúp của vua tôi, buông đó làm tang. Thành hiếu để của nhân luân, nên nương trái khác, rõ ràng phàm nước ngoài ai thương cũng rất lắm, nên vua Ba Tư Nặc tang mẹ mà sợ sợ lo lo (vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ có tang mẹ mà thân

để bụi đất lấm đầy) Đấng Đại thánh diệt độ mà bốn chúng huyết hiện, như hoa ba-la-xà, Xá-lợi-phất nguội thân, các tầng trời cõi Vô Sắc rơi lệ như mưa nhỏ ngày xuân (cõi Vô Sắc hóa định quả sắc mà xuống hỏi hỏi han an ủy) há chẳng do sinh ta, đức-ta, tình đó dốc thiết, chẳng phải hình chẳng phải khuyến, chí phát ở trung, nên có đau khổ của Hạo Thiên Liệt Nga (xót thương cha mẹ khổ nhọc sinh ta, muốn báo ân sâu, như trời cao chẳng cùng, liệt là dài lớn, Nga là La Hạo, ở thời Chu U Vương, người dân đi lao dịch lâu, chẳng được nuôi dưỡng cha mẹ, như thấy nghĩa chẳng biết) ai của thặng đường mang tự (tự là tướng đông tây, hiếu tử lên nhà mà lưng mang tướng) chẳng mong khóc mà tiếng tự kêu gào, chẳng hu địch mà đáng mạo tự khổ, làm sao có thể dùng sức cao mà cưỡng ép, xấu hổ tục cầu biến sự? Xưa kia Tề Châu Tam Tạng (tức Nghĩa Tịnh) từ Tây Vực trở về, chuyên việc giảng, với tình thường vàng sánh huấn đó, lấy làm khoát vải đen mà trái với thường thức, để tóc dài mà khác nghi cũ, đó cũng buộc thêm trần lao lại mắc gông cùm (...tóc đen dài, chưa hẳn hợp đạo) lại nói: Bỏ thánh giáo của Thích phụ, trọng tục lễ của Chu Khổng, đặc biệt cho Linh Dự la người biết đạo. Trộm lấy, Sa-môn trong thiên hạ đều chẳng phải Linh Dự, làm Linh dự thì bước của Hàm Đan chẳng thành (Hàm đan tức ở quận triệu, gái đẹp thực hành được) được không chân tục, gồm cả tang, người xưa nói: Thánh đạt tiết, kẻ đó là thủ tiết, dưới nữa là mất tiết (Trang ngữ của Tào tử... ngữ phạm chẳng phải đạt chẳng phải thủ thì chẳng phải mất, thế nào? Vì vậy, chịu tang là lui ở gắng hành, khởi nơi suối lạnh nghĩ tu hương lửa của Khải Phong, phước của trai giới u hiển đều nhờ, thì sao trái với đạo ư? Nay có Toản phu chịu tang như không tang, ăn mặc an, nói cười vui vẻ, sao lại bội nghịch (gặp phải tang mà chẳng buồn, tôi lấy gì để xét? Có lách của đất cũng có thuận hỏi đó, sinh thành tội gì, lương thảo đường ước, cha mẹ sắp mất, và đến sắp quyết biệt nhu bộ anh hiền (mộ đồng với con nít, hiền sánh tự trẻ thơ) chẳng tương giao với người đời, đó đều càng xa, đó trông càng trọng, chẳng ăn ngũ cốc, còn đến như vậy, ăn ngon mặc nhẹ: cho nên thêm y cứ.

II. CHÊ BAI THUYẾT KHÁC

(Khiển trách chỗ quấy gọi là có, nêu việc trái gọi là dị)

Hiền của Kiến Đức, tuệ chí như trộm (kiến là lập, tệ là che giấu,

người lập đức, chỗ chứa ngậm rộng, lớn bưng bít đó mà như chẳng đủ) nhà làm ngụy, cả ngôn như lưu (cả là có thể kẻ làm ngụy, chỗ nêu bàn nịnh, nên hạng xảo ngôn ngợi khen) chấp hư làm có trang sức tà vạy, nhiều loạn chánh chân, nêu chỗ đồng đó, rĩa rói chỗ chẳng đồng đó để cây lẩn rối ren, như mặt trời lên, bị mây ngăn che, như nước lẳng trong bị gió nhiễu sóng, khó thay cùng cực (xảo thuyết loạn chánh) kinh chép: Xưa, có hai đệ tử, mỗi vị giữ gìn một chân của thầy, đều chẳng phải không giữ gìn (kinh Hiền Ngu chép: Xưa, có hai người đệ tử, mỗi vị giữ gìn một chân, đứa giữ bên chân trái chẳng có mặt thì bị đứa giữ bên chân phải đánh, giữ đứa bảo hộ bên chân phải chẳng có mặt thì bị đứa giữ chân bên trái đánh, chân thầy chưa tới một tháng mà đã bị nát tan, nay dụ như Đại, Tiểu thừa mỗi thừa đều quấy nhau) tức giận thì cùng đánh, tức giận chẳng thôi thì chân đó mất, nay dị thuyết, đều là ganh ghét mà hại, đối với thánh sư thì không chỗ đoái hoài. Đáng buồn thay! Từng thử luận đó là: Đáng mạo khác với tâm, tánh thành thói quen, Hạ-ly-ba hát, người hòa sẽ hòa hẳn đồng (xưa, người nước là Lý-ba hát thì người lý họa theo rất đông, soạn thiên Bạch Tuyết, thì người họa theo rất ít) mắt cá Yến thạch xét đó thì ít (yến thạch tợ ngọc, mắt cá như châu) nên khiến hạng đuổi theo ụ đất tà nịnh đồng đàn (bạn tà thuyết đó như chó đuổi do) đều bênh chủ nó, sửa Nghiêu làm Thuấn, nay lấy lời chẳng kịp nghĩa thì làm dị thuyết, phân tích đó có đáng, thì gọi là người khiển trách, chặt gốc bít cực, hoặc mong ở được (chỗ nay nêu bày, mong tại chặt đó, lấp bít nguồn đó) chỉ ánh sáng lửa bó đuốc giúp soi, rồng lấy phụ chiếu, yêm lao vang gâu, ngưỡng sấm sét mà giúp rung chuyển (lửa bó đuốc là lửa đom đóm, yêm lao là loài thú biển, cá kinh thì tiếng vang khắp cả sông hang, nay đem đục nó trên chuông, dùng hình cá làm chày đánh, lấy tiếng đó, nay Hòa-thượng Bắc Sơn khiêm nhường nói: Tuy muốn chặt gốc lấp nguồn để dừng tà thuyết đó, nhưng tiếc là tài trí của mình đồng như lửa bó đuốc, tợ nhỏ nhiệm bấy giờ, tiếng các hiền giúp để hỗ trợ, dùng tỏa sáng tợng). Đây thật là chỗ chứa của xấu ốm, từng có Thích thi ốc y (Thích thi là mặt mềm mại, ốc y là dáng cứng cỏi) riêng tôi nói: Lũ kia thạnh nay (nghĩa là bọn dị thuyết) e chẳng được ở ông, vì sao? (sợ vì chỗ thời thế ky nhiều dân lánh không tự lập hạng người đua nịnh rất nhiều) tôi nói: Thú trông lại cụp đuôi, cho nên chẳng bằng (chồn sắp vượt qua sông nếu sợ ướm đuôi, cho nên chẳng bằng) được nghĩa mà tổn thương cũng đâu nệ. Ngư phụ chuyên thi kẻ săn bắt hổ, đều là chí đó (sợ thì chẳng làm, cái gọi là bậc chí đức chẳng hòa với tục, công thành người là chẳng mưu tính đông nhiều).

Dị thuyết nói: Người Phong giới học: Thật thì tiểu trí, ả tình chẳng di (phong là kẹt, ả là hẹp, di là bằng, nói người trì giới hạn cục ở Tiểu thừa) xúc vật tránh lỗi, mất thân như bụi đất, hậu ý ở cỏ cây (xưa có vị Tỳ-kheo trì giới, đi đường bị giặc ướp y bát, giặc dùng cỏ để buộc, suốt nửa ngày mà vị Tỳ-kheo chẳng dứt cỏ mà đi, sợ phá giới) đại sĩ quán xét đó như đường hiểm ác, chẳng bằng giúp đại đạo tôi, rơi tiết tôi, buông tâm tôi, chẳng nổi võ chẳng nương mảy, chẳng đói bụng, chẳng bệnh rau quả, tiêu dao trong sự uống ăn, thản nhiên ở trên hóa thực, sao chẳng vì tôi đến, ai có thể quyên mỹ hậu của cao lương thuần quảng, cùng hồn linh đời sau làm tàn khắc ty lệ ư? (đời này chẳng ăn ngon mặc đẹp hoa lệ, khi chết trọn làm quỷ ty tiện ư?).

Khiển trách rằng: Vì sao như vậy ư? Chẳng thẹn với người, chẳng sợ với trời, vừa ý nghịch thiện, tội chẳng gì lớn bằng. Giới là oai nghi (oai là có oai đáng sợ, nghi là có nghi đáng bắt chước) oai nghi là tiêu biểu của đức, Thi nói: Thục thận đó dùng, chẳng khiên với nghi. Lại nói: Ép ép oai nghi, chỉ góc của đức (đều trọng đạo oai nghi) nên nếu tức tu đồ, lấy đó làm phù ấn (tu là dài, qua đường dài, do giới năng giãm trái, phù ấn là như công bằng ở đời nay) nếu giãm trái qua nước lớn, dùng đó làm chiếc phao (luật chép: Như người muốn qua biển lớn, nhờ chiếc phao mà được qua, dụ như trì giới, phá một giới nhỏ, cũng chẳng thể vượt qua) như cương chế ngựa, dùng đó làm hàm sách, như lúa mạ ngàn mẫu, dùng đó làm đất bằng, xe dê chỉ năm phạm (một là Ba-la-di, hai là Tăng-già-bà-thi-la, ba là Ba-dật-đề, bốn là Đề-xá-ni, năm là Đột-kiết-la, chỉ ngăn ngừa hai nghiệp thân, miệng) trâu nường chung ba nhóm (ba nhóm thân, miệng, ý) thiếu đầu đuôi thí như rồng quý (phá giới là phần nhiều sánh như rồng quý) hoàn toàn trước vượt qua trời, người. Chiếu soi như nhật nguyệt, đẹp như anh lạc. Do đó, cổ tốt hộ nga (cổ tốt là như trên, hộ ngỗng là xưa có vị Tỳ-kheo vào cung vua, thấy con ngỗng nuốt một viên ngọc, sau đó vua tìm ngọc chẳng được, nghi vị Tỳ-kheo ấy lấy, bèn hỏi, vị Tỳ-kheo ấy sợ vua giết con ngỗng nên chẳng trả lời. Vua sắp giết vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cũng chẳng nói, đến khi con ngỗng đã nhả viên ngọc, vua biết chẳng phải vị Tỳ-kheo lấy, nên lại hỏi: Vì sao chẳng nói? Tỳ-kheo đáp: Nếu tôi nói sợ vua sẽ giết con ngỗng) có chết cũng không hai, đuôi rồng rơi nhận, tinh thành nhất quán (như có vị Tỳ-kheo đến chỗ ở của rồng hiện thân thông đến cùng chẳng mất, người trì giới đến búng ngón tay ba lần, rồng bèn bỏ đi, luận Đại Trí Độ chép: Có vị Tỳ-kheo trí giới lúc ăn chỉ tâm niệm, thức ăn liền cảm hiện, nhận đầu đàn biết vậy, khiến bầy nhận gieo xuống đất

muốn cúng dường làm thức ăn, vị Tỳ-kheo ấy biết vậy nên chẳng ăn) vả lại, tôi và ông đồng là nâu sồng, trên đầu không mũ, trên thân chỉ mặc vải xấu, bốn biển chỉ là một, không thích không mặc (thích là sâu dày, mặc là mỏng nhạt) sao chỉ chọn tuổi của ruộng tăng, ăn cúng của đốt lò (tăng từ đủ hai mươi tuổi mới thọ Đại giới, qua hạ đến đông, gọi đó là hạ Lạp) nghi phạm chẳng nhiếp, đen trắng đầu khác, (nay tăng chỉ lấy người niên Lạp cao ở tòa trên mà nhận cúng dường, mà hoàn toàn chẳng biết tu nhiếp oai nghi, hạnh của bậc thánh chẳng gì bằng chuộng trai giới, tâm bậc thánh chẳng gì bằng chuộng từ kiệm, chẳng trai giới thì phỉ báng hạnh của bậc thánh, chẳng từ kiệm thì trái với tâm của bậc thánh. Báng hạnh trái tâm, thì tám nạn chẳng do bước mà đến (tám nạn là: Một: Địa ngục; Hai: Ngạ quỷ; Ba: Súc sinh; Bốn: Châu -cu-lô; Năm: Trời vô tướng; Sáu: Điec mù cam ngọng; Bảy: thế trí biện thông; Tám: Sinh trước Phật sau Phật. Đây đều làm chướng ngại thánh đạo) năm khổ chẳng đợi với mà đến, đời này đời khác, cùng u hồn đời sau làm cửu sâu quả lớn (do thân này cùng phỉ báng, khiến hồn thức đời sau sa đọa mà chất chứa oán hận) nếu do đạo lớn rộng không, hạnh nhỏ tổn đức, thì đối với Bồ-tát giới kinh làm sao có được (giới Tiểu thừa nếu chẳng giữ được, thì làm sao giữ được giới Bồ-tát, của Tiểu thừa vốn từ Đại thừa lưu xuất) do đó, như dáng mạo tợ hổ mà chất xứng với chuột, lạm hình ngựa đó (làm tăng chẳng thể giữ giới mà lại nêu Đại chê Tiểu, thật là loại hình chó chuột mà lạm chất của hổ ngựa) tuy muốn mượn ngôn từ, trốn lánh trách nhiệm mà thật vẫn tội đó.

Dị thuyết nói: Thiền là tâm học, tâm ngấm thần hóa, chẳng đi mà đến, sắp dừng lại chóng. Đó động như sóng vọt, đó tĩnh tợ vực lắng, phải nhận đó ở tự đắc, buông đó ở vô vi, sao hẳn ở yên với hình khô, lấy có đối đãi không? Hễ được thì là người trăm năm, còn chẳng được thì cũng là người trăm năm, nhục tông đồ, tiếm cao vội, nhà cửa hoang tối (buông là đạt lý, chưa khởi sinh diệt mà dấu vết vượt Tỳ-lô, há chẳng tiếm cao vội ư? Sắc tâm lẫn lộn, há chẳng hoang đó ư?) vỗ về đó ở thật thì ai tỏ ngộ, chẳng bằng vui ở cú ngược, tạm vượt tự thể, chuông phạm giảng tụng lại vui ý ấy. Thiền đối với tôi không chỗ làm (ý trọng giảng xướng mà chẳng ưa thích thiền vị).

Khiển trách rằng: Phù phiếm luống dối: Dẫn dắt nguy ngập (phiếm là sắc, du là xa, một khi nghe dị thuyết, thì hướng đối phỉ báng của sắc cạn, tợ như tâm lự dẫn dắt cao xa, lý thú sâu mâu, hoàn toàn trái với nguy ách, lý sơ thì nguy) đã thẳng mà điên thật chỉ vì hối hận. Chỗ của năm đường chẳng buộc ràng, ba thừa do đây mà chống hoãng (buộc

ngựa là buộc xe lên dây. Người đạt lý không là năm đường chẳng thể trối buộc thân, ba thừa làm sao có thể nhiếp vị, siêu nhiên mà ra) tĩnh lặng ồn náo, bụi bặm ở thông trang, mở chốt sâu của linh quan (trang là đường lớn, xu là chốt cửa) mà chẳng trước đối với thiên học. Nên bậc sĩ tu đức nhàn tà, chư từng không có thấy ở, xác thực cho đến nơi vô vi (nhàn là phòng ngại, xác là chim non, vậy bậc sĩ quên tâm, đó ở thì như thấy không, làm thức ăn đó thì như xác chẳng đua tranh, điềm nhiên mà thôi) có đó chẳng do đạo này, thì từ tưởng như ma, kế sự như lưu. Hình là tâm rong ruổi, khổ chung với tuổi tác, hoảng hốt bàng hoàng, (huy hu là mở mắt) bó buộc tư trừ (dáng bước chật vật). Sao yên ở đó, là có (nay những người xưng là thiên, chẳng thể vắng lặng, thân tâm rong ruổi theo cảnh chuyển đổi, sớm tối khư khư đâu thể gọi là yên ở?) chỉ thiên chung trong ngoài, vị khác Tiểu đại (thiên là tâm nhằm chán địa dưới mà dẫn tâm địa trên, chiết phục phiền não, khiến chẳng sinh khởi, làm sáu hạnh sự, quán chung nội giáo ngoại đạo, Đại thừa, Tiểu thừa các chỗ làm, chẳng phải chỉ là một lời một câu mà thôi) đều tùy theo tu chứng có cạn sâu (có gần phân căn bản lý sự, Đại thừa Tiểu thừa luận cạn sâu chẳng đồng) như ba con thú: Voi, ngựa, thỏ lội qua sông, bởi sự hứng vịnh của tiên thánh (Tiểu thừa dụ như thỏ, Trung thừa dụ như ngựa, Đại thừa dụ như voi, sâu cạn đều khác nhau) xưa khoảng đời Tấn đời Tống. Các vị Tam Tạng pháp sư từ Tây Vực đến phần nhiều dùng pháp thiên để dạy truyền, ung ung tức tức, im lặng mà thực hành, chẳng lấy làm lóe sáng nơi đời. Như Trúc Đạo Du định lực cao xa, tụng kinh ở non cao, bấy hổ đến lắng nghe, có một con hổ ngủ gật, Trúc Đạo Du dùng chuỗi châu như ý gõ đầu, nó bèn nghe, Câu-na-bạt-ma ngồi nhiều ngày chẳng dậy, đệ tử đến hầu, thấy sư tử trắng đứng tựa cột, hoa sen xanh mọc đầy khắp hư không, nên đứng giữa mưa mà chẳng ướt, giẫm trên bùn sinh mà chẳng dơ, ở đời Ngụy có Bạt-đà truyền tâm ngộ cho Tuệ Quang, Tuệ Quang thiếu định lực, trọn lấy văn tự của Tam Tạng làm Quốc đại thống (Tuệ Quang họ Dương, người ở xứ Định Châu, Bạt-đà gặp mà lấy làm lạ, giữ lại cho xuất gia, thông minh không ai bằng, thời bấy giờ được gọi là thánh Sa-di. Ở đời Nam Tề được làm tăng quan, sau làm Tăng thống, có văn chương lưu hành ở đời) chỉ Tăng Điều đặc đạo của Bạt-đà, dùng tích trượng giải hổ, áo ca-sa hộ nạn (thiền sư Tăng Điều ở núi Vương Ốc thấy hai con hổ đấu nhau, dùng tích trượng mà tách chung ra, mỗi con đi một ngã. Vào thời Cao Tề, có Lục Tu Tĩnh, v.v... tấu xin thử làm pháp với chư tăng, chưa cầu y bát của tăng chúng, v.v... xoay giữa hư không, tích trượng vọt bay. Đại Thống khiến Đàm Hiển ứng đối, kia lại

chức cầu cây gỗ lớn bay lên giữa hư không, bèn đặt áo nạp của Thiền sư Tăng Điều lên trên. Khi ấy, chú nguyện đó là pháp đều chẳng thể động, vua rất vui mừng). Lúc đầu, Tăng Điều nhập định chín ngày chẳng xuất, Bạt-đà bảo là: Từ thông lãnh trở lại đây, thiền học là trên hết, ông là người đó. Cuối thời Đông Ngụy, Bồ-đề Đạt-ma bày bốn hành pháp, đầy đủ cả chân áo (bốn hành pháp là: Một là báo oán hạnh, hoặc gặp thương ghét đều cam tâm nhận chịu, đó là do ta xưa đã tạo tác, đều không oán đối, hai là tùy duyên hạnh, nghĩa là đối với tất cả cảnh không vui mừng, không oán hận, ba là vô sở tâm hạnh, nghĩa là không tâm hể có tham, bốn là xứng pháp hạnh, tức lý tánh tịnh viên minh) truyền pháp cho Khả (tức Tuệ Khả, tổ thứ nhất) Tuệ Khả bị giặc chặt cánh tay, dùng pháp chế ngự tâm, như mới đầu không đau khổ, từng than về kinh Lăng-già là: Kinh này sau bốn đời sẽ biến thành danh tướng, rất là đáng buồn! (Tăng xá, Đạo tín, Hoàng nhĩ, Tuệ năng là bốn đời. Sau đó phần nhiều dùng danh tướng truyền tâm) từ Tuệ Khả đến Lục Tổ, chia làm Nam Bắc, đều dẫn mạnh đẩy yếu, đua nhau tranh công đức, nhưng muốn nói về ô nhiễm và hưng thịnh là, chánh nên xét ngôn hạnh đó (từ Hoàng nhĩ có Thần Tú là Bắc tông, Tuệ năng là Nam tông. Đá chẳng phải ngọc nên chẳng nhuận, vực sâu chẳng có rồng nên chẳng oai, kia có đạo là tâm rộng rộng xa, nên tiếng của chuông trống, tức giận đánh thì võ, ưu lo đánh thì buồn, hoan hỷ đánh thì vui, chí đó biến là tiếng cũng tùy đó, chưa có bậc hiền đặc đạo nên chí trí mà nói thì là ngu. Xưa tôi quan sát thiền môn tịnh chúng, sùng mà chẳng tiếm, rộng mà chẳng nịnh, mà chưa từng dẫn kéo khác lạ, kinh ngại tục Chân nói là bậc sĩ đại trí nhàn nhàn (Hòa-thượng Kim chùa Tịnh Chúng ở đất Thục hiệu là thiền sư Vô Tướng, vốn là Thái tử thứ ba của vua nước Tân-la xuất gia tại chùa Nam ở quận Nguyệt Sinh nước đó, niên hiệu khai nguyên thứ mười sáu đến kinh đô, sau vào đất Thục đến Tư trung bãi yết Sần Công học thiền, vào đất Thục dừng ở chùa Tịnh Chúng, trao pháp cho học trò, là Thần Hội, lại có Nam ấn Tuệ Quảng, lại có An tăng, Lương tăng, v.v... đều y cứ thiền pháp) bèn lễ bái sát chân làm thầy, thưa hỏi mọi sự ở ý chỉ đó, mà người học vì chưa thấy ban thùy nhậm nhiều của doanh manh (ban thùy là thợ giỏi, doanh là trụ, manh là óc mái) chẳng gặp hòa hoãn, thứ bệnh của phổi ruột (hòa hoãn đều là bậc danh y xưa đời Tần) cầu thả tại tự ngã tinh sư mà thôi, nếu chỉ lấy việc bên ngoài làm bến bờ của tự lụy, giống như Bắc viên mà đến các Sở (viên là buóc ách của xe, sở là tại nam địa, nay người học chẳng thể tinh sư soi suốt, chỉ cầu ngôn cú nêu thành tự lụy, như muốn đến phía Bắc mà đi về phía

Nam, thì chẳng bao giờ đến nơi).

Dị thuyết nói: Thiên giả chẳng cùng cực so với thầy ta, thiên đó nói Thủ-lăng-nghiêm (tức Tam-muội) từ Phật truyền cho Đại Ca-diếp. Đến Bồ-đề Đạt-ma đợi thầy ta, tâm và tâm trao nhau, còn các tông khác thì chẳng như ta (Tam Tạng pháp sư Bát-la-mật-đế mang bộ kinh Phật đánh mười quyển đến Quảng Châu dịch với Phòng Dung, xong dâng tấu Thiên Hậu nói đây mới xứng là ý chỉ Viên Đốn, đều là tông tượng của thiên).

Khiển trách rằng: Cát nhân ít lời, công phật chẳng thường, hướng chi chẳng phải công vọng, phật người cát đó ư? Truyện phó pháp chỉ có hai mươi bốn vị, từ sau Sư tử, bốn vị như Xá-na, Bà-tư v.v... đều là khúc thuyết của các nhà khác (ghi ở truyện bảo Lâm) Lại Tổ thứ hai mươi chín là Đạt-ma-đa-la, chẳng phải Bồ-đề Đạt-ma. Truyền pháp hiền thánh đó trong lúc lấy Thanh văn, như Ca-diếp v.v... tuy là hồi tâm mà còn có tiểu trí (Ca-diếp, A-nan, v.v... tuy được thọ ký ở Linh Sơn mà còn là tiểu thánh) đâu thể truyền Phật tâm ấn ư? Xưa kia, Thương-na-hòa-tu nói với Ưu-ba-cúc-đa là: Tam-muội của Phật thì Bích-chi chẳng biết, Tam-muội của Bích-chi, thì Thanh văn chẳng biết. Tam-muội của A-nan nay ta chẳng biết. Tam-muội của ta nay ông cũng chẳng biết, Tam-muội như vậy đều diệt theo ta, lại có bảy mươi bảy ngàn kinh bản sinh, mười ngàn A-tỳ-đàm, tám mươi ngàn Tỳ-ni thanh tịnh cũng diệt theo ta, nên truyền pháp là chỉ truyền lời đó, tiếp thừa pháp là rõ lời thấy tâm tức là đặc pháp (tuy nói quán trí mà chỉ truyền ngôn cú) đó như nghề đục đẽo vòng tròn, truyền nghề mà chẳng truyền diệu (Tề Hoàn Công đọc sách ở nhà trên, Luân Thiên đẽo bánh xe ở nhà dưới, thích đẩy đục mà lên, hỏi Hoàn Công rằng: Xin hỏi chỗ đọc của ông là lời gì? Hoàn Công đáp: Lời của bậc thánh. Hỏi: Bậc thánh ở đâu? Hoàn Công đáp: Đã chết rồi. Hỏi: Vậy thì chỗ đọc của ông là căn bã của người xưa? Hoàn Công bảo: Quả nhân đọc sách Luân Nhân đâu được chê trách? Có thuyết thì rồi, không thuyết thì chết, Luân Thiên nói: Là bề tôi, vì vậy của tôi trông coi đẽo bánh xe, từ từ thì ngọt mà chẳng chắc, nhanh vội thì đắng mà chẳng vào, chẳng từ từ chẳng nhanh vội thì được đó nơi tay mà ứng ở tâm, miệng chẳng thể nói, có vài người con còn như vậy khoảng đó tôi chẳng dụ con của tôi, con tôi cũng chẳng thể nhận đó ở tôi, vì vậy tuổi đã bảy mươi mà già đẽo bánh xe, người xưa truyền cho đó chết rồi, nhưng điều ông đọc là căn bã của người xưa). Đàn cầm của Sư Tương được đàn cầm mà chẳng được số (Trọng Ni ở đất Vệ, học đàn cầm với con Sư Tương, mười ngày mà chẳng tiến, con Sư Tương nói:

Hãy học thêm, Khổng Tử nói: Tập nguyên do đó, chưa được số đó vậy có lúc nói: Tập số đó đáng thêm, Khổng Tử nói: Khâu tôi chưa đắc chí, có lúc nói: Tập chí đó đáng thêm. Khổng Tử nói: Khâu tôi chưa được làm người đó, có lúc nói: Chỗ tu lặng im nghĩ, chợt có chỗ vui vẻ, trông cao mà chí xa, nói: Khâu tôi được làm người đó, ủ rũ mà im lặng, xót xa mà lớn mắt như đối với dê, như đối với vua. Bốn nước tức Văn Vương ai làm đây, con Sư Tương lánh khỏi chỗ ngồi, kính bái rằng: Sư cái nói Văn Vương tiết tháo) nên có người tu tập lâu mà không thành, lại có người vừa phát tâm bèn chứng, lại có hạng nhỏ mà đắc, Anh tài chẳng ngộ, chỗ quý ở nơi ngậm hợp, chẳng hẳn ở nơi trao nhau, nhưng nay các môn đều thiên, mà xấu nơi biết Phật, thiên riêng mới một nhà ư? (Như chỗ truyền của các bậc tiên đức Trưởng giả đều có tông sư).

Dị thuyết nói: Đạt-ma đã phải truyền pháp khiến hai đệ tử đến đất Hán, bị người Tần đuổi tới Lô Sơn (tức Bạt-đà) nhân cùng Viễn Công dịch ra kinh Thiên Yếu, Đạt-ma nghe vậy bùi ngùi, mới tự ra khỏi đất Bắc, vượt biển đến đất Lương, người đất Lương chẳng kính tin lắm, nhìn về hướng Bắc có khí Đại thừa, bèn đến ở đất Ngụy (điều nói này là truyện Bảo Lâm và Cao Tăng Truyện khác nhau).

Khiển trách rằng: Ngôn từ mất ở chánh đáng, dẫn cong che thẳng, há gọi là trí ư? Chỉ môn của Tổ sư, thiên hạ quy về nhân, thiên đức tự cao, đâu đợi truyền pháp, sau đó mới bắt đầu làm Tông giáo ư? Mà có khảo xét năm tháng, vì Tỳ-kheo Sư Tử đã đáng đời Tê, Đạt-ma là Tổ thứ hai mươi chín, chợt ở đời Tấn, đâu mất lời ở năm tháng (đệ tử Đạt-ma bị đuổi ở đời Tấn, khoảng niên hiệu Hoàng Thi ở đời Tần đến cuối đời Tống là tám mươi năm, đời Nam Nam Tê được hai mươi bốn năm, cách nhau từ trăm năm trở lên, đâu được Tổ thứ hai mươi chín lại trước Tổ thứ hai mươi bốn đến một trăm hai mươi năm ư)? Có lời truyền Lô-bát Phù Đồ (Lô-bát là lời thi nhân sau Xuân Thu, Phù Đồ từ thời Tấn, Tống mới có) Hữu Quân Bát-nhã (tục truyền, đời Tấn, Hữu Quân Vương Hy có tự thân viết nhiều tâm kinh, rất nhiều người biết không Tâm kinh là do Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang dịch vào khoảng niên hiệu Trinh Quán thời Tiên Đường) kia vừa rồi biết bát tại Xuân Thu, vương ở Tấn Mục thì chẳng có lời ấy.

Dị thuyết nói: Đạt-ma sáu lần vượt qua, bị Bồ-đề-lưu-chi và Quang Thống lén bỏ chất độc vào thức ăn, năm lần vượt qua nhả ra, đến lần thứ sáu, chẳng nhả mà chết. Lại bảo với đồ chúng đó rằng: Tông ta đến đời thứ sáu mạng như sợi tơ treo, cho nên biết, sùng sơn đến Tuấn Hủ nhượng bằng đó, kiêu mộc đến kiên hạt trùng đó, nên khiến tổ ta chẳng

xa có hại, trọn xót thương sau ta vậy (Bồ-đề-lưu-chi, Hán dịch là Giác hy, thông suốt Ba tạng, khéo vào Tổng Trì, chí ở hoàng dương diễn hóa, rộng lưu bố thấy nghe. Năm Kỷ Sửu tức niên hiệu Vĩnh Bình thứ nhất thời Tuyên Võ Đế đời Ngụy đến Lạc Dương, dịch kinh luận gồm ba mươi chín bộ một trăm hai mươi bảy quyển, chỉ chép bản thảo chất đầy một gian nhà, giỏi cả các tạp thuật, thường ngồi ở miệng giếng gội rửa giữa hư không, hoặc chú nguyện vào nước khiến tuôn vọt lên, rót mà lấy dùng, Luật sư Quang Thống là bậc tài giỏi một đời, hướng chi là chủ Tăng Bính, đâu thể vậy ư? Truyện Bảo Lâm là sai nhầm rất nhiều, người học về sau nên phải xem xét).

Khiển trách rằng: Tà Phu liên can chánh, chánh rớt cuộc thành tà, Vong Sĩ bàn nói chân, chân trở lại thành vọng, thương thay bên trong mĩa mai Thích Đẳng, vì danh lợi hại nhau mà có đến như vậy, ý kia cho là đức cao vật kỳ, sâu dụng tự bày (ý cho là Đạt-ma đức cao, Lưu-chi v.v... đồ kỳ) mà chẳng biết tự thương, cũng do cùng cực, xưa kia thời Ngụy Chu diệt pháp, chiếu ban mượn cố tiên sinh ba lần phá luận, v.v... (tiên sinh Cố Hoan vậy) ác của lừa dối họ Thích phương Tây mà thật chẳng quá lắm. Thi nói: Người không tốt, oán nhau một phương, nghĩa là đó vậy, phạm tốt sắp giết hại ở nói dăm, thật tâm của kẻ khoái địch (như loại Bạch khởi chết bởi loại Đỗ Bưu) Cao đức nung ở Báng Phu, thật giúp khinh lời của ngoại đảng (đem giúp phỉ báng ngoại tông) đó nghe phỉ báng chẳng bít tai, đây cũng là hạng khen ngợi phỉ báng. Xưa những người có đạo, diêm nhiên vô cực, mọi tốt lành theo đó, nên hổ dử chẳng chiếm cứ, chí điều chẳng quặc (chỉ là đánh, quặc là bắt, chẳng dương oai mà bày đồng) hướng chi là người ư, nếu sáu lầm vượt qua mắc độc hại, biết vẫn mà ăn, tâm bào tự chết, chẳng biết mà ăn, sao gọi là có đạo (đâu gọi là bậc thánh) Phàm Lăng Dương vụ thành, chưa nghe mắc ở chậm hiệp (Lăng Dương vụ thành, đều là người có đạo thưở xưa, còn chẳng làm độc hại). Há nơi không môn thì có đây ư? Nên khéo làm đạo là chẳng khiến người mến, mến rồi còn khiến người dứt bật, hướng chi khiến người hại mình ư? Lưu Chi, Quang Thống kia đều là các bậc đức hóa rộng mở, trời người trông ngóng, phụ hiền giúp thiện, chung mở mang phong giáo, như môn của Quang, mười người đức hạnh (học trò của Tuệ Quang, danh bày chẳng phải chỉ một) nay đây người nịnh đâu dám mĩa mai hủy hoại (Trọng Ni nói: Cho nên người ác gọi là kẻ nịnh) khiến gieo đến hổ báo, ai gọi là cùng trách, vả lại nghe tụng ta giống như người, xét mình làm nhân chẳng thể quả, làm nhân của người ác sao có thể quả ư (nhân là gốc quả cảm quyết đoán, quyết đoán là

nghĩa, nay người ác dấy khởi mả mai phỉ báng đó vẫn chẳng phải ở tốt lành, đã chẳng thể xét quyết phải quấy mà tin, như thế thì nhân đâu có dụng của quả cảm) nên quân tử bên trong thứ mình để lượng người (đạo của quân tử là trung thứ mà thôi, xét mình độ người, đó là trung thứ) xưa kia Ngu Nhuế tranh giành ruộng còn thẹn với Tây Bá (hai nước Ngu, Nhuế tranh giành ruộng mà tố tụng, qua nhiều năm mà chẳng dứt khoát, mới nói với nhau rằng: Tây Bá là bậc nhân, nên sang đó mà hỏi, khi vào cảnh vực đó thấy người cày ruộng bờ, người đi ruộng đường, Triệu thần nhường vị bảo: Bạn tôi là tiểu nhân, chẳng đáng vào châu quân tử, bèn nhường làm nhân điền, Khổng Tử nói: Văn Vương đáng gọi là bậc Chí Đức, chẳng dạy mà theo) Sừ Nghê diệt giặc còn kính đối với Tấn Thần (Sừ Nghê là hiệp sĩ vâng lệnh Tấn hầu đâm giết Triệu Tuần, Triệu Tuần sắp châu còn sớm phục mà giả ngủ, Sừ Nghê thấy vậy bảo: Chủ của dân, chủ của giặc dân chẳng trung, mất lệnh vua chẳng tín, bèn xúc chạm cây hòe mà chết) thiên tổ chết ở mưu, chưa làm nhân đức (giả sử nói dối Đạ-ma chết bởi Lưu-chi, sao là người có đức? Lại nói Đại sư Khả bảo chẳng chết ở thành an, khiến dưới cây khô mà tiếp tục chết ở chỗ chận độc bởi Thiên sư Hòa, ở đây chê Tổ sư Khả quá lắm (Tăng Khả còn một tên là Tuệ Khả, họ Cơ, người xứ Hồ Lao, có thiền học, tôn Đạ-ma làm thầy, bị giặc chặt cánh tay, dùng pháp chế ngự tâm, chẳng biết đau khổ, vẫn đi khát thực như cũ. Hóa Công và Thiên sư Hòa đều là bậc danh đức ở đương thời, có nói Thiên sư Hòa dùng thuốc châm, Tuệ Khả phỉ báng đó rất lắm) Háo thắng là hãn kinh địch, há là Tổ sư hảo thắng ấy ư? (Kinh là mạnh, kẻ sĩ hảo thắng cùng địch tranh nhau mạnh yếu, nên có sự ghét thương thù nhau, Tổ sư sạch niệm, mà lắng tâm, đó là không cạnh tranh với vật, đâu có ghét thương khiến hại ấy ư? Tin chắc sai lầm của truyện). Xưa, Kỷ Tiêu Tử nuôi gà đá, hay khiến quên tâm khí trạng gà gỗ, bấy gà trông thấy đó khi miệt có chí đá nhau, Trù dung là người có đạo mà nhục với gà ư (kỹ tiêu tử làm vua muôi gà đá, mười ngày mà hỏi đó rằng: Gà đã xong ư? Đáp chưa, mới hư kiếu mà trì khí mười ngày lại hỏi, đáp chưa, còn ảnh hưởng, mười ngày lại hỏi, đáp còn chóng thấy mà thanh khí, mười ngày lại hỏi: Bao nhiêu? Gà tuy có gáy mà mình không biến, trông đó như gà gỗ, đức đó hoàn toàn, gà khác không dám ứng là trái lại chạy tại đó, ở gà có đạo, bấy gà con đời trông đó mà chạy, huống chi đối Với Tổ sư mà dám hại sao?) Nên ngồi bay vì đánh người chẳng oán, xúc chạm của thuyền rồng, là người không oán, kia vì sao như vậy? Vì vô tâm nên vậy, mà Tổ sư Khả đâu có tâm ư (Tuệ Khả đã vô tâm, thì chẳng nên hại) xưa kia, Tề

bào khiên chặt cẳng, Trọng Ni bảo: Bào là trí của Trang Tử, chẳng như Thái, Thái còn năng giữ gìn chân (Tề Khánh khắc thông ở tiếng, Mạnh Tử nhờ áo mà vào cung, Bào Khiên trông thấy báo với Quốc Võ Tử, Võ Tử gọi Khánh khắc đến mà nói, Khánh Khắc cùng phu nhân tức giận, Tề Linh Công đánh Trịnh, Bào Khiêm giữ nước, phu nhân tố cáo đó rằng: Tướng chẳng nhận vua mà lập công tử Giác, vua bèn chặt chân. Trọng Ni bảo: Bao là trí của Trang Tử chẳng như Thái, há nay bị hại là có trí) Phật-đồ-trùng ở núi Thạch Lặc, như đá ném xuống nước, có một hôm, Thạch Lặc đòi Phật-đồ-trùng đến, muốn hại đó, Phật-đồ-trùng chẳng khiến mà được, bởi bậc thánh chẳng muốn chôn vùi người ở trong tội (nếu khiến được hại thì giúp đến địa ngục) tuy Đề-bà mổ ruột (Bồ-tát Đề-bà soạn Bách luận để phá ngoại đạo, về sao đệ tử chẳng còn, bị ngoại đạo mổ ruột, Bồ-tát trao y bát cho ngoại đạo, dạy cho chạy nhanh, đệ tử ta chưa đắc pháp hẳn thì sẽ hại người, sau đó quả nhiên đuổi bắt mà chẳng kịp) sư tử chặt cổ (tổ thứ hai mươi bốn là Tỳ-kheo Sư Tử, bị vua nước Kế-tân chặt đầu mà cánh tay rơi rụng) đều vì ngoài nạn chưa giết, trong tâm như găng, hoặc thuận hóa, chú giải đủ nghịch hóa, hoặc sống hóa đó chẳng đủ chết hóa, đều khiến bảo mà không oán, chẳng quy lỗi về có đức (đâu đem phi lý vọng thêm có đức) xem Tổ thứ sáu được tín y, như đạp hổ sợ cắn, Ôm Ngọc sợ bị hại (Ngu Thúc bảo: Chu ngạn nói thất phu không tội, Ôm Ngọc tội đó, tôi sao dùng đây, vì bị hại. Chu Chương đi đường, nghỉ bên đầm cỏ, nay lo người truyền sai nhầm, (Truyện Bảo Lâm chép: Ngũ Tổ thầm trao tín y cho hành giả Tuệ Năng, khiến chạy lánh đường hoang trống, nghĩ đến Nam Hải, gặp Pháp sư Ân Tông, mới xuống tóc cho) Phàm đắc đạo là mất ngã, mất ngã là gồm mất cả muôn vậy. Y nào có đâu mà gìn giữ ở mình ư? (đạo vốn do tâm, đâu ở nơi y) phàm cừ là đạo tế ư? Hẳn chẳng cạnh tranh, chẳng tế ư? Hẳn không chỗ dùng (người nếu thấy đạo, nào mượn cừ bình, nếu chưa đắc đạo, được y làm sao dùng), tìm kim mộc để xét đuổi, sắp việc gì ư?

Dị thuyết nói: Nguyên do của tội phước, chỉ do tâm mà thôi, tâm diệt vô vi, đạo ở vô sự, chẳng lẽ tán, chẳng giảng tụng là chân vô vi, chẳng cầu giới, chẳng gìn tội là chân lìa tướng, có nói có hành là tâm có chỗ biết, là pháp Thanh văn. (Giảng nói đọc tụng, thiền sư gọi là pháp Thanh văn, đều là hữu vi) do đó trừ tượng bày, bỏ kinh pháp mới xứng là đốn môn, như có chỗ nói ở tự lòng ta, gặp văn xén cắt, sao đợi chương cú sở luận ư (thì nay gặp có hỏi đáp ngôn cú).

Chê trách rằng: Rất là đốn thay! Tuy dần dựng tợ lời của bậc

thánh chưa có, đạo của bậc thánh (cơ là gần, ngôn cú tuy tợ lời của bậc thánh. Đạo sở hành, chưa gần đạo của bậc thánh) phạm chỗ biết cùng ở đồng là đồng như mê, cùng nhược dị là nghĩa là mê ở nhược (nhược là người, nay cùng người đồng là thì cùng người đồng mê. Nếu cùng người dị thì là mê ở đạo của người, kỳ chí lo buồn, mộng nhu tin, làm sao có thể thôi ư? (kỳ chí là già lão, Mộng nhu là trẻ nhỏ, lão tức là lo buồn, ngu trẻ là tin dùng, nên trọng ở đời) phạm vô vi là hư dung tịch bạc, không điều thiện nào chẳng làm (lìa ngại gọi là hư, chiếu suốt gọi là dung, vượt phiền gọi là tịch, điềm nhiên là bạc) như do lễ tán dật khắc làm ngại, kia thấy hữu vi, chẳng phải ở vô vi (nếu vì lễ tán, đồ khắc tượng Phật, ngăn ngại ở vô vi thì là hữu vi, nay thấy có tướng này thì là hữu vi, chẳng phải vô vi) lìa tướng là chiếu đạt sắc tâm, không có tướng để được, bỏ mê đắm gọi là lìa (đối với tướng sở quán nếu không chấp trước, thì là thành tựu đạo lìa tướng) nếu vì chẳng thọ giới, xả bỏ trì hộ mà là lìa tướng, kia sẽ là chấp tướng, nào lìa tướng (nếu phải là trừ thọ giới dứt hộ trì mới gọi là lìa tướng, thì chấp trước tướng của trừ bỏ) pháp Thanh văn là nương thanh giáo của Phật, nhằm chán khổ mừng diệt, cô tuệ độc dĩnh (cô tuệ là trí đơn không dứt phiền não chướng, chứng được lý không, không khéo gồm tha (chỉ tu tự lợi) chẳng phải giảng tụng: hữu thanh là pháp Thanh văn (bởi mến mộ muợn chẳng thấu đạt nghĩa Thanh văn. Đốn môn là chẳng muợn tiệm của Nhị thừa, thẳng dây đường Vô sinh hành hóa khắp đều, khởi nghiệp rộng lớn, đây gọi là đốn (đây mới là đốn ngộ Đại thừa, chẳng do đường Trung tiểu) chẳng phải biến nhiên bật chiếu, chê trách muôn điều thiện là đốn môn (đâu thể im lặng không tu, chẳng tạo một điều thiện mà gọi là đốn môn thì với châu ở phía Bắc Cu-lô, trời vô tướng, v.v... đâu khác gì nhau) phạm giáo của bậc thánh, có duyên chẳng phải một, ứng biến muôn sai, hoặc nói lưu mà lý thẳng, hoặc đầu quyền mà cuối thật (nên Khế kinh là ứng căn cơ thể lại giáo, có đốn có tiệm, có thật có quyền, có bán có mãn, đâu thể chẳng tập mà biết) hướng chi âm vận cổ huấn, phạm Hán ngữ lỗ, phải bảm thừa có tượng (học chẳng nhờ thầy, hẹp hòi ít nghe) tìm xem có công. Há đối với văn tự chưa biết, bèn chẳng nghĩ mà nói, chẳng lo mà đối, vọng giãm hư huyền, lưu tục mà gọi đó là sâu mầu) hoặc dùng tài lực khen thưởng. Đến nỗi khiến đồ chúng đó tự yên vui (vì cung cấp thức ăn ngon dụ dỗ, bèn khiến thay nhau khen thưởng) như kia có chỗ biết được nhờ định lực, năng nói kinh Phật, sao chẳng dùng dị điển để thử, xem đó nhã nạp thế nào, thẳng cong tự rõ (nếu nói kia dùng định lực giúp thêm, chẳng học tự biết, thì có thể thử sách Nho mà

hỏi thì biết có đáng chằng) Vả lại, hễ xưng là Nho mà chẳng truyền tập, cũng là chỗ bệnh của Hiền Nho (truyền chẳng tập là bệnh của tăng tử) hoặc nói: Khởi thiện động hành, càng thêm vọng đó, như mặt trời soi bóng, thêm củi bãi đánh, thành mới đạo của chuyên đây, đâu là đạo của dứt diệt (nếu nói chỉ dùng đặt thiện lợi lấy làm hạnh môn chẳng hẳn giáo điển, thì lại chẳng đúng, vả lại giáo là bày đường tắt để vào thiện, chẳng tập làm sao biết, nay muốn hành thiện, chẳng dứt bỏ giáo điển, đó như treo mặt trời mà muốn bỏ bóng, đánh sôi trào vọt mà lại thêm củi, nên biết là chẳng thể) nói kia bởi chẳng biết chấp sự tịnh mạng, dùng tiếng ngăn tiếng (nay dùng có kinh điển dẫn về để biết vô tướng, đó như chấp sự kinh điển dùng tiếng của kiền chùy kêu để lắng tiếng chuông, thầy thuốc dùng độc để dứt độc (nên kinh cũng gọi là Đề hồ, cũng gọi là thuốc độc, như thuốc độc của sói con v.v... vốn là thuốc độc, nay thầy thuốc bảo uống đó, lại có công năng trừ độc).

Dị thuyết nói: Tông triều đời Đường (con của Túc Tông thời Tiền Đường tên là Dự, đổi niên hiệu là Bảo Ứng) có thuyền khách lớn, xếp dẹp lễ nhạc, đài tạ thế quý (đài là đập, tạ là phô bày, còn nói là giẫm đập) bện cỏ cửa vàng, ổ kiến vua ở, nên đối với đáng Chí tôn, sắc đó ngạo như, từ đó yết như (yết là thẳng ngay mà vô lễ) Tâm khí mạnh mẽ, giá sử không sinh tử, có thể gọi là thật có đạo ư?

Chê trách rằng: Đây mới xứng là đồng, chẳng xứng đạo, phạm đồng của bất nghĩa, mưu tìm đạo để tổn, đã chẳng thể tổn thì đạo đó có thể biết (thích đồng mà chẳng thích học đó là tệ, giặc lại đồng mà vô lễ thì loạn) từng có con của người quê kệch xưng cha nó có gân lực, có miệng trán lớn, ông cha lấy làm đức, các hàng Hương Hào sợ hãi, xóm làng lánh né, huyện hoặc đó càng nhiều, lỗi lầm đó càng rõ. Hễ xưng là có đạo thì sắc ấm mà lời đượm, khí mềm mà tâm xa, tuy muốn tuấn điều ác của người (tuấn là sửa đổi) cũng ưu du mà phúng dụ, nên đối với người biết ta là bày ở biết, chẳng biết ta là bày chẳng biết (nước có đạo thì hành, nước không đạo thì cuộn mà ôm, lại dùng đó thì hành, bỏ đó thì ẩn giấu) chẳng vui mừng với người không biết ta, chẳng giận người không biết ta (người không biết mà chẳng giận) xưa kia bậc Đại thánh đến các nước, nhiếp phục voi say hộ tài (Điều-đạt khiến vua A-xà-thế thả voi say hộ tài muốn hại Đức Như lai, Đức Như lai từ năm đầu ngón tay hóa thành năm sư tử, voi say liền quỳ phục) chế quỷ thần khoáng dã (lại quỷ khoáng dã thường ăn thịt trẻ con, một hôm bắt được một đứa trẻ, nó xưng Nam-mô Phật thì quỷ chẳng thể ăn, Phật hóa thành núi lửa vây quanh bốn phía, quỷ dốc hết sức lực mà chẳng thể ra

được, bèn phát tâm quy hướng Phật, thể chẳng ăn thịt người), chưa hề sấn nhục Ba-tư, mặt chẻ Xà Vương (Quốc Vương mỗi lần đến chỗ Phật hội, Đức Phật đều trước bảo: Lành thay, Đại Vương! Dùng lời mềm dịu như vậy để thăm hỏi) tuy đức tôn thần hóa mà chẳng tổn thương lễ của quốc quân. Trọng Ni đến nước Vệ, với trò chuyện Vệ Linh Công, thấy chim nhạn bay ngang qua, ngửa mặt nhìn sắc, chẳng nhìn Khổng Tử, Khổng Tử đi chỉ lánh nước Vệ, ông đó chẳng dốc lòng đối với ta, chẳng phải bày lời để tỏ chí, có nước như Tần Thỉ Hoàng, có tâm như Tần Thỉ Hoàng, mạnh như Tần Thỉ Hoàng, mà nhìn thẳng thiên hạ, một lần châu Đường tuy đề kiếm, lại đất của Yên Dĩnh (Yên Dĩnh là nhậm, phải là huyện Yên Lăng thuộc Dĩnh Xuyên, Tần Thỉ Hoàng diệt Ngụy, sau chấp nhận đem đất ngàn dặm để đổi năm mươi dặm đất của Yên Lăng quân. Yên Lăng Quân sai Đường Tuy đi sứ đến Thỉ Hoàng. Thỉ Hoàng bảo: Quả nhân đem đất gấp bội mười lần để đổi, mà ngược lại với Quả nhân là thế nào? Đường Tuy đáp: Chẳng dám làm điều đó. Yên Lăng Quân Tiên Vương giữ đó, tuy ngàn dặm cũng chẳng đổi, chợt Thỉ Hoàng tức giận bảo: Ông có nghe Thiên Tử giận chẳng? Đẹp thấy trăm vạn, máu đỏ ngàn dặm. Đường Tuy nói: Đại Vương nghe BỐ Y tức giận chẳng? Đẹp thấy hai người, máu đỏ năm bước, là thiên hạ đơn sơ ngày nay đó, bèn đề kiếm đứng dậy, Thỉ Hoàng đổi sắc mặt mà bái tạ: Tiên Vương sao đến đây, là Quả nhân dụ. Tướng như nghề trụ, về Bích của Hàm Đan, chẳng thể làm sao Dông đó (nước Triệu có Biện Hòa Bích, Tần muốn đem mười lăm thành để đổi, Triệu sai Lạng Tương Như dâng Bích, Tần Chiêu Vương được Bích mà chẳng cất đất. Tương Như đối nói là có vết, lấy lại chỉ đó, nhân giữ trụ chẳng trả, xin cất đất mà chừng năm ngày mới nhận bích. Nếu vua cần gấp bề tôi, thì đầu bề tôi cùng Bích đều vỡ nát, vua sợ vỡ nát Bích mà chẳng dám làm hại, Bích trọn đem về Triệu) Lương Võ triệt bỏ chế độ của cung vi, cho phép Sa-môn du đạo, Hữu Ty cho rằng ngự tòa, chẳng phải chỗ Sa-môn nên lên, Trí Tạng chợt ngồi xổm đổi sắc mặt gằng tiếng bảo: Xưa bần đạo trước làm Ngô Trung cố Lang còn chẳng thẹn giường vua, huống chi Thích tử lại là Tổ Định Quang Kim Luân (là ta vậy, ta là con cháu của Định Quang Như lai) nếu Đan Việt giết bần đạo, chẳng lo không có chỗ thọ sinh, nếu giao còn phương ngục thì chẳng ngại hành đạo, lưu tục lấy làm năng đạp qua bờ cao Thiên Tử, còn quân tử nhà họ Thích thì chẳng như. Lưỡi Hoàng nhà Lương đã thí (thí là rối) thứ sự rơi rụng, chỉ trừ một giường vua đáng nhận nhân rối vậy. Lương Võ từng muốn ngự chế tăng quan, ban sắc người chủ khiến khắp ai chấp thuận thì đặt tên, lúc

ấy không ai dám chống kháng, đến lúc sở đưa tới Trí Tạng, Trí Tạng lấy bút khoan tròn bảo: Biển lớn Phật pháp chẳng phải chỗ người tục biết, vua xem đó chẳng lấy làm để ý, thư viết: Dùng khoan để nhiếp chúng, dùng giản mà đi xuống, đây là hóa của Đường Ngu, phạm khoan mà dùng giản, giữ đó thì người an, khoan mà chẳng giản thì pháp đó loạn. Ngay đời Lương khoan mà chẳng giản, chẳng loạn, sao đời Trí Tạng kia, tuy may đó không pháp, há chẳng sợ giản thư đời sau ư? (giản là thư của sách).

Dị thuyết nói: Thầy ta ngồi kiết già, tâm ở trong định, diễm nhiên thoát xác, người sau buồn nghĩ xây tháp cao lễ tang lớn, cũng chẳng thanh ư? (ta tức là các vị Tôn túc trong thiên môn, người học khoe việc ngồi mà thị tịch, xây tháp cao lễ tang lớn).

Khiển trách rằng: Quân tử dụ ở nghĩa, tiểu nhân dụ ở lợi (dụ là hiểu) chỉ chỗ rõ ràng. Nếu chỗ đức hạnh đạt được, hoặc là ai buồn, vinh hạnh. Nếu quanh co dùng tanh hôi nhân đẹp ngói hợp, nấn kể sau đó, thì thêm nhiều hôn, sánh với tội của giả dự (nếu thật do liễu đạt, đi ở vô ngại thì có thể, nếu vốn chẳng phải chân thật, giả sử lấy vinh dự sau, nấn dối phạm tục, thì tăng thêm tội vùi lấp đó) phạm việc chẳng nghiêm sức thì chẳng tên, quá thí nổi dậy cạnh tranh (có đức mà chẳng rõ bày, thì mất sáng tỏ đời sau. Không đức mà nấn sức thì giẫm vào dấy nổi cạnh tranh) nên Sư Cố nói xa mà tìm ở nghĩa, Sư cố nói bộ cũng tìm ở nghĩa, chẳng phải cố là tin chỉ nghĩa là tin (tuy có lời của Cố mạng, cầu hợp độc mà hành). Xưa Tào hầu bảo Táng đơn sơ, Đại phu bảo: Nước có thường lễ, (xa là tiếm trên, kiếm là ép dưới, sám kiếm được vừa, là hợp với thường lễ) nhưng cỏ mạng mền thây, tuy muốn lợi với loài bay chạy mà thật không sao giết hại thây đó (Cao Tăng Tuệ Thật dẫn dò khách đem thây thí cho chim thú, nhưng đó thí ít chẳng đủ khắp, sao bằng khéo nguyện giúp rộng lớn ư? Lại phơi bày dơ uế đó, bày thây gọi là giết hại), ở lệnh đức là, nên bỏ ý này, tuy Viễn công thấy sắp qua đời, hoặc chưa ta khéo (Nam Viễn lúc sắp tịch bảo thả trăm con chim) phạm chết là tinh thần đi, hình chất đâu biết được (tạng thức đã đi thì đồng với vô tình) đứng và ngồi nằm cái nhỏ là hơn kém ư? Nên ở tại Kim Hà nằm nghiêng hông phải (Phật tại sông Kim Sa nằm nghiêng hông phải và nhập Niết-bàn) Tại Kê Phong lụy giai (tôn giả Ca-diếp vâng giữ pháp y ca sa của Như lai ở núi Kê Túc, đợi đến lúc Di-lặc ra đời vâng giữ pháp y ca sa rồi, làm mười tám thứ thần biến, tức sang núi Kê Túc ngồi kiết già nhập tịch, hóa lửa thiêu đốt tự thân) Tuệ Vĩnh đòi giầy mới đứng dậy (Cao Tăng Tuệ Vĩnh ngay trước giường tìm đôi giầy

mà chết) Linh Duệ cầm quyền mà hóa (Cao Tăng Linh Duệ cầm quyền sách trên tay mà tịch) đều nhậm thời mà đi hết, chẳng phải mền mộ khác thường mà lừa dối tục (Đặng Ân Phong đứng ngược mà chết) xưa Cao Tăng Đàm Giám là người vãng sinh, ngồi yên mà tịch, đệ tử vẫn bày mà liệm, nay thì ngược lại. Định là mở cửa của Huyền Giải, vượt ra bờ vực sinh tử, chỗ nóng lạnh chẳng vào, chỗ đốt chìm chẳng kịp. Nếu ở trong định mà có chết, thì đâu khác, rửa xuân ngâm mà đốt ở lửa dữ, trang bị giáp trụ mà trúng tên độc ư? (Phàm lúc chết, phải ở tán vị) nên trước Phật sau Phật có các thánh đệ tử nhập định diệt tận, trải qua trăm năm, ngàn năm, ức muôn năm chẳng xuất định là chết. Tại nước Khư-Bàn-Đà, nước Chước-câu-ca, nước Ô-sát ở Tây Vực, nhân vị lậu tận hình nghi đô vĩ (đô là lớn) nơi núi non cao vợi, ngồi nhắm mắt rũ tóc, sét đánh núi đổ mà những người đi săn thường thấy có (theo Tây Vực Ký là lời tựa của Đường Tam Tạng hành ký) xưa, Triệu Tương Tử (vua Tấn không... con, con của Triệu Giản tử) đi săn bắn đốt núi rừng, có một người bay đi trong lửa, núi đá chẳng làm ngăn ngại, đó là hạng người nhập định (nhập định thì chẳng bay đi, nghi là các vị vận thần thông) đời Tấn, thần tăng Ha-la-kiết đã tịch, đệ tử chất cây gỗ như gò để thiêu, trải qua nhiều ngày mà chẳng hết, bèn chuyển đưa đến thạch thất, sau vài mươi năm, thì thấy khác với người sống, kia nhập thiên thứ tư, đã ở định cõi vô sắc, nên khiến cho miệng mũi không thở (từ thiên thứ tư cho đến cõi vô sắc địa, pháp không có phong đại chủng, nên xuyên vào hơi thở gió chẳng đi) chế độ tháp miếu, đời mất đạo ấy đã lâu, ở Tây Vực lấy tháp làm phương phần (tiếng Phạm là Tháp-bà, hoặc nói là Thâu-bà, Hán dịch là phần tháp, là lược, hoặc vương, hoặc nhọn, hoặc tròn) đối với phàm thứ thì phong bút, như nhà của xứ này là (bốn phương) như hạ ốc là (bốn bên nhà lớn). Từ Luân Vương đến Đại thánh, mới dùng tầng cấp để bày đức biện danh (Luân Vương một tầng, Thanh văn bốn tầng, duyên giác mười hai tầng, Bồ-tát và Như lai mười ba tầng) từ xưa đến các vua đời Lương, đời Trần ít có người chẳng treo quan mà biếm phẫn, nhường phong thọ, cho đến như thiết bày bi khiên (khiên là dây hạ quan, thời xưa lập đá dựng trên phần, có lỗ xỏ dây, dây dùng để hạ quan, gọi là biếm, về sau hoặc có người khắc dòng họ vua cha ở trên phải theo đường miệng, gọi là bia thần đạo. Thiên Tử gọi là Lăng, chư hầu sĩ đại phu gọi là Phần, thứ dân gọi là trũng, mộ chí chẳng vượt ngoài điển lễ, nay chư tăng lập tháp ký, bởi mô phỏng theo sự ấy) mở duyên đạo chẳng phải quốc vọng thì chẳng làm (ở trước phần làm toại lộ, đây đều là bậc sĩ của quốc vọng, lại có ai tru ai sách bi chí, chẳng

phải đại sĩ thì chẳng như vậy. Thời xưa tăng không có ban tặng y tía sư hiệu, từ niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười một đời vua Hiến Tông, nhưng trước có ban thụ hiệu đó) say thời nhà Chu, nhà Tùy, đua nhau chuộng tiếm phỏng, đó có cao hoa đổi thay, tề so với thánh trước đó (gần đây thấy có Thiêm Bá chưa tịch mà tự bảo khắc đá xanh xây tháp lớn, dùng sắc mây nhiều quanh, dùng hoa tòa hợp lại, bốn vua ngự giữ, tám rồng khiêng đỡ, trọn dùng vương nạn về tục chẳng được ở đó) hoặc tự lực lúc còn sống, hoặc dặn lại sau khi chết chẳng sợ tàn khốc của oan hồn, chỉ rong theo phí của tướng liêm, sai nhảm chẳng gì lớn bằng. Xưa bệnh của tăng tử là cách, còn bảo bỏ đại, bày chẳng muốn tiếm (cách là gấp, trách là chiếc chiếu trên giường, cách âm là cực), Yến Bình Trọng nói với Quán thị là (nghĩa là chẳng phải mặt nói bình luận đó) đã chết, đâu tại ta ư? Thiêu đốt, vất bỏ, chôn đó lấp đó, phơi bày (cách an táng ở Tây Vực có bốn cách: Một là thả lưới nước, hai là dùng lửa đốt, ba chôn dưới đất, bốn là đem vào rừng Thi-Đà, Luật ngũ phần chép: Thân nên chôn cát) áo dùng củi mà vất bỏ ở các hang hốc (cách táng thời xưa, nhiều áo dùng củi, chôn cát đó giữa đồng hoang, chẳng bít chẳng dựng, bậc thánh dùng quan quách cải đổi đó, bởi lấy các lỗi lớn, xét công kỹ, Đào lệnh làm hòm sành, hạ hậu thánh dùng... Tức, lửa đốt chín gọi là Tức, người ân dùng hòm cây tử chôn, lại dùng hòm gỗ chôn đất tức. Viên văn nhận các quách đá, chỉ chỗ gặp nhau, mà con của ốc ngu (Trang Tử chỉ ở trng nhà chẳng ra mà ngu) chẳng biết phần của Đạo Lâm chẳng cao, mà Đái Quỷ ngợi khen. Cây của Thiệu Bá chẳng lớn, mà thi nhân vịnh (Thiệu Bá Thích từng ở dưới Cam đường sửa ngục bỏ, sau người Chu nhớ đức đó, chẳng nở chặt cây đó, nên thi nói: Che lớp Cam đường, chớ cắt chớ chặt, chỗ Thiệu Bá nhỏ) chỉ chuyên tiếm nịnh, bèn khiến ở khoảng tầng tầng lớp lớp, như gò đồng không hề bày kính, chôn, thổ, rấn, thần lần làm nhà ở đó, chim kêu cấp tước sinh ấp ở trên, các kẻ tiểu phu chần trâu lên đó mà ca hát, người đi đường chẳng biết là ai, tôi lúc ở Lô Sơn, giảng xong mền mộ dư thừa, từng tìm tới hang rừng, thấy thì đọc xem đức hạnh đó, không một đáng cùng trở về. Do đó, sự dính mắc nghiệp, ẩn mà càng rõ, ít của đức soi rọi mà càng mờ tối, thật đáng buồn? (Tỳ-nại-da Tạp sự quyển hai mươi ba nói: Tỳ-kheo Bản Thắng lúc bình sinh nặng về sân, sau khi tịch xây tháp, La-hán Kiếp-bì-đức lâm nhận mà lễ bái, Ưu-ba-ly bảo đó, mới bảo năm trăm người hủy phá.) Trọng Ni nói: Đạo của quân tử mờ tối mà mặt trời rõ bày, đạo của Tiểu nhân soi rọi mà mặt trời mất, Thi nói: Ngâm tuy phục cũng rõ ràng của lỗ, đời gần đây nắm ống sáo ghi đó mà ít nghe đạo

đức, nghề hạnh cao xa làm cao tăng, phần nhiều nhóm đồ chúng, kết nạp duyên dự làm cao tăng (vì người đời nay chẳng phải nghi người xưa, lý trí tức trung ở chùa phước cảm thỉnh xương ngón tay, Xá-lợi được đó, bèn soạn thuật bia thư, mười vị tăng được gọi là Cao tăng, như trên là rất lắm, đều là những hạng không ra gì, thật là lắm với các bậc có đức ở trước) hoặc ở đời ít có người hiền lương, hoặc tìm tòi chẳng tinh, phàm của cải để nhóm đồ chúng, xiểm nịnh đủ để kết nạp, kiểu tiết đủ để diên dự ư? Đây là muốn truyền đến người đời sau, vừa đủ để dụ lạm, hễ có ở hương (làng) thì hương hào là trọng, ở ấp thì ấp Duãn là Trọng, ở châu thì châu tôn là trọng, cửa mười phòng, thì mười phòng xin nhà, nhà mười tụ, thì mười tụ xin quý, mà hoặc chưa đủ nói. Phải xứng kia trọng là, người nào vậy, vì sao vậy? (Trọng Ni nói: Người trong làng đều ưa thích thì phải xem xét, người trong làng đều ghét thì phải xem xét) đó hoặc tiểu nhân bèn nịnh, cầu dáo, thì chán đạt, quân tử liêm lại cũng là đức nghĩa, thì chìm mất (đạo Tiểu nhân lớn thì đạo Quân tử tiêu mất) mà người sau khen ngợi đó lạm tiến tu, danh dự phản phát, chẳng phải tính như trời trăng, cầu hợp ở quyền lợi, quên nhục mất mình mưu đẹp nghĩ lạ. Phải lấy hợp đó, đã hợp vậy, xứng mưu về nương, mưu dùng làm đảng để làm viện, dùng làm lối đường tắt gấp bội trăm thẳng, chê trách kia giản phác chẳng thể tiến thủ đó (cái gọi là đối tình giặc trí) đời Lương, Bảo Chí soạn Bộ Danh Tăng Truyện, Tuệ Kiểu san định mà sửa đó, nói là: Cao tăng lấy làm danh là khách của thật. Nếu thật hành ngậm sáng, cao mà chẳng danh, ít đức vừa thời, danh mà chẳng cao, danh mà chẳng cao là chẳng phải chỗ đáng ghi, mà Kiểu Công có thể gọi là Lương sử của họ Thích.

Dị thuyết nói: Người sắp chết, vắng lặng không thấy gì gọi là Chí đạo, chẳng do hiểm sợ, nếu thấy Phật, đến cho tướng là ma, thủ của tâm cũng, đâu khỏi ư?

Khiển trách rằng: Phu này (đây là chỗ thấy của kẻ thất phu) chưa gọi là ty khế, phàm chết là hình lìa thân vượt, vui mất khổ đến, tới đêm dài, giã làng không bờ, chẳng nhìn thánh nghi buồn thay mặc cứu, (mặc là không), cho nên ở Tây Vực, người sắp chết tiếng vang soeng soeng, chẳng đợi ở xuân dung (ở Tây Vực lúc sắp qua đời thì khiến đánh chuông, bảo là khổ thú diệt, nay ở xứ này cũng vậy. Xuân dung là tiếng từ từ) khác kia lắng tưởng dứt loạn mà hồn có chỗ về. Lại dùng phước buộc tượng, khiến tay nắm đó, bày tượng vãng sinh, đó là do xưa có tu ba thứ phước, xa lìa hậu báo, kim dung hoa mắt, đại quỳnh trao tay, kèn chuông hòa tấu, pháp tụng suốt năm, thật là ban cho lớn

của Đấng Pháp Vương (đều là tướng của tịnh độ) hết hữu khổ ở thiên hạ, oán trách làm quỷ là, bởi quỷ do mình, nhưng pháp không chỗ thủ, thật quên chiếu của định dụng (định căn bản, lúc tâm chiếu cảnh chẳng vướng tướng năng thủ sở thủ) chẳng phải chết là mờ tối, sao quẩn kia mà cùng đây, đồng thời mà nói ư? (chẳng phải có thể đem chân tâm chứng lý mà muốn đồng thức mờ tối của sắp chết).

